

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 10 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Khắc Duy.

2. Ông Huỳnh Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Yến P, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Số x, ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh WU PAO P, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số x, đường T, Khóm x, phường N, khu S, thành phố B, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn Huỳnh Thị Yến P trình bày là vào năm 2016 do mai mối nên chị P và anh Wu Pao P tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/4/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số x. Sau khi kết hôn chị P đến Đài Loan chung sống với anh Wu Pao P được khoảng 08 tháng thì anh Wu Pao P thường xuyên chửi, ngược đãi và đuổi chị P đi. Để giữ hạnh phúc gia đình, chị P nhiều lần khuyên ngăn anh Wu Pao P nhưng anh Wu Pao P không sửa đổi mà còn gia tăng, có hành vi bạo lực gia đình với chị P ngày càng nhiều hơn và đến tháng 7/2017 chị P về Việt Nam sinh sống đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị P

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh Wu Pao P. Về nuôi con chung không có. Về chia tài sản không có. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án ly hôn giữa nguyên đơn Huỳnh Thị Yến P là công dân Việt Nam và bị đơn Wu Pao P là công dân nước ngoài thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; vụ án tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị P cư trú tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp và anh Wu Pao P không có nơi cư trú ở Việt Nam, nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp tại Công văn số 59/TTTPDS-TA20 ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với anh Wu Pao P vào ngày 01/7/2019 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an và Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, nhưng anh Wu Pao P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Wu Pao P là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy việc chị Huỳnh Thị Yến P và anh Wu Pao P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/4/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số x đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tuy nhiên sau khi kết hôn, do anh Wu Pao P nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với chị P, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và xa nhau từ tháng 7/2017 đến nay. Từ ngày xa nhau đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau, mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Đối với anh Wu Pao P đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy tờ có liên quan, nhưng không có văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Xét thấy có căn cứ về việc anh Wu Pao P có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy việc chị P yêu cầu Tòa án cho chị Huỳnh Thị Yến P được ly hôn anh Wu Pao P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Yến P và anh Wu Pao P.

[3] Về nuôi con chung: Chị P trình bày không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị P trình bày không có, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị P phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Yến P và anh Wu Pao P.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Yến P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số xxx ngày 04/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí tố tụng: Chị P phải nộp 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số xxx ngày 19/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án

là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND huyện V, ĐT;
- Lưu HS, VT (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng